TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2025/DS-PT

Ngày: 29 - 7 - 2025

V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My

Ông Y Phi Kbuôr, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2025/DSST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 301/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H – sinh năm: 1961

Địa chỉ: Số A P, tổ dân phố D, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị X – sinh năm: 1964

Ông Đặng Văn C – sinh năm: 1950

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Lê Thị X

Cùng địa chỉ: Số A P, tổ dân phố E, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:**

- Tôi có cho bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C vay tiền vào các lần như sau:

+ Lần 1: Ngày 29/10/2009 tôi cho vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

+ Lần 2: Ngày 03/11/2009 tôi cho vay số tiền 30.000.000 đồng, không ghi thời gian trả trong giấy vay tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau thời gian vay là 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

+ Lần 3: Ngày 10/10/2010 tôi cho vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

Khi đến thời hạn trả nợ của các lần vay trên tôi có gặp, gọi điện đòi nhiều lần nhưng bà X, ông C chưa trả nợ cho tôi khoản tiền nào, vì hai bên là người quen biết thân tình với nhau nên tôi chưa khởi kiện. Đến ngày 10/9/2024 tôi mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C trả lại khoản tiền gốc và tiền lãi cho tôi.

- Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C trả cho tôi số tiền tổng cả gốc và lãi là 214.000.000 đồng. Trong đó gồm:

Tiền gốc 110.000.000 đồng;

Tiền lãi 104.000.000 đồng, cụ thể: Vay lần 1 là: 50.000.000 đồng x 6,5% x 15 năm = 48.000.000 đồng (làm tròn); Vay lần 2 là: 30.000.000 đồng x 6,5% x 15 năm = 29.000.000 đồng; Vay lần 3 là: 30.000.000 đồng x 6,5% x 14 năm = 27.000.000 đồng.

Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời gian vay là 01 tháng và 03 tháng, nếu sau khi bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C làm ăn xong trả gốc thì tùy bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C trả lãi cho tôi. Tuy nhiên, do tiền tôi cho bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C vay là tôi mượn người khác phải trả lãi cho người tôi vay, nên tôi yêu cầu bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C trả lãi cho tôi như trên. Ngoài ra tôi không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

***Bị đơn ông Đặng Văn C là bà Lê Thị X trình bày:**

- Chúng tôi có mối quan hệ là bạn bè thân thiết với bà Nguyễn Thị Thanh H, trong quá trình làm ăn chúng tôi có mượn tiền của bà H các lần như sau:

+ Ngày 10/10/2010 mượn 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

+ Ngày 29/10/2009 mượn 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

+ Ngày 03/11/2009 mượn 30.000.000 đồng, không ghi thời gian trả trong giấy vay tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau thời gian vay là 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền.

Tổng cộng đã mượn của bà Hằng số tiền là 110.000.000 đồng. Khi mượn các bên có viết giấy vay tiền, chồng tôi là ông Đặng Văn C đều có biết các khoản nợ trên, mục đích mượn tiền là để phục vụ cuộc sống gia đình, làm ăn kinh doanh của gia đình, khi mượn tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Khi mượn tiền vợ chồng tôi không thế chấp tài sản gì. Đến hạn trả nợ vay trên thì chúng tôi chưa thanh toán trả được nợ cho bà H.

- Nay nguyên đơn khởi kiện như trên, tôi và ông Đặng Văn C có nguyện vọng như sau:

Tôi và ông Đặng Văn C đồng ý trả cho bà Hằng số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế hiện nay của chúng tôi gặp nhiều khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi chúng tôi không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà H, vì khi vay chúng tôi không thỏa thuận về lãi suất, khoản vay từ năm 2009 - 2010 đến nay nguyên đơn mới khởi kiện nên đề nghị Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án khu vực 1), tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 155, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật Dân sự.

Điều 6, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H.

Buộc bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 110.000.000 đồng gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, về việc: Buộc bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền lãi 104.000.000 đồng, cụ thể: Vay lần 1 là: 50.000.000 đồng x 6,5% x 15 năm = 48.000.000 đồng (làm tròn); Vay lần 2 là: 30.000.000 đồng x 6,5% x 15 năm = 29.000.000 đồng; Vay lần 3 là: 30.000.000 đồng x 6,5% x 14 năm = 27.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án,

buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền vay gốc và lãi suất tổng cộng là 599.802.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án khu vực 1), tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc và tiền lãi suất, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án bị đơn có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là bị đơn có vay tiền của nguyên đơn tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng, vào các lần vay như sau: ngày 29/10/2009 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền; ngày 03/11/2009 vay số tiền 30.000.000 đồng, không ghi thời gian trả trong giấy vay tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau thời gian vay là 01 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền; ngày 10/10/2010 vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền. Như vậy, đến ngày 10/9/2024 bà H mới làm đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 429 Bộ luật dân sự, khi xét xử cần xác định quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản và chỉ giải quyết đối với tiền vay gốc. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp

luật và căn cứ các quy định về tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết vụ án là chưa chính xác, cấp phúc thẩm cần xác định lại.

[2.2] Về nội dung: Các tài liệu có trong vụ án cũng như lời khai của các đương sự có đủ căn cứ để xác định bị đơn có vay của nguyên đơn tổng cộng số tiền 110.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ bị đơn không thanh toán trả cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 110.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với phần tiền lãi do hết thời hiệu khởi kiện như nhận định nêu trên nên bản án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo yêu cầu tính lãi suất của bà H là không có cơ sở nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 166 Bộ Luật Dân sự;

Điều 6, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H.

Buộc bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 110.000.000 đồng gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H, về việc buộc bà Lê Thị X, ông Đặng Văn C phải trả tiền lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Lê Thị X và ông Đặng Văn C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1;
- Chi cục THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My